

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC THƯ VIỆN NHÁNH THUỘC HỆ THỐNG THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG THEO HƯỚNG HỢP TÁC

Nguyễn Huỳnh Mai¹, Võ Duy Bằng và Võ Thị Bạch Trúc²

ABSTRACT

Cantho University Library System including main library (Learning Resource Center) and 13 branch libraries in the schools and institutes was established in 1997. Branch libraries are located within the schools and are reported to the school management, while LRC is in charge of collection development. Every year the branch libraries receive a significant budget to develop their information resource and facilities but have not attracted students to the library. Project “Research on the improvement of performance and the service models for the branch libraries within Cantho University library system” was conducted to evaluate the services of the school library systems and the resources of branch libraries. The study used survey methods with quantitative analysis techniques to find results for research questions (677 surveys were collected and analyzed). Research results indicate the current status of resources and services of the libraries. This is the basic for designing an appropriate operational model for the library system to improve the operational capabilities of the library service.

Keywords: *Branch library, academic library, human resource, information resource, co-operation model*

Title: *Evaluation of the Can Tho university branch libraries and a new cooperation-based operation model*

TÓM TẮT

Hệ thống thư viện trường Đại học Cần Thơ bao gồm Thư viện trung tâm (Trung tâm Học liệu) và 13 thư viện nhánh ở 11 khoa và 2 viện nghiên cứu được hình thành từ năm 1997. Hệ thống hoạt động theo cơ chế Trung tâm Học liệu phụ trách phát triển vốn tài liệu, các khoa quản lý về nhân sự đối với cán bộ thư viện nhánh. Các thư viện nhánh được chú ý đầu tư phát triển nhưng vẫn chưa thu hút được đông đảo sinh viên đến thư viện. Đề tài “Nghiên cứu cải thiện khả năng hoạt động và mô hình phục vụ của hệ thống thư viện nhánh - trường Đại học Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu đánh giá lại các hoạt động của hệ thống thư viện trường và các nguồn lực hiện có tại các thư viện nhánh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát cùng với kỹ thuật phân tích định lượng để tìm kết quả cho các câu hỏi nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra thực trạng về nguồn lực của các thư viện khoa làm cơ sở cho việc đưa ra các mô hình hoạt động thích hợp cho hệ thống thư viện để cải thiện khả năng hoạt động của thư viện phục vụ cho mục tiêu đạo tạo của nhà trường.

Từ khóa: *Thư viện nhánh, thư viện Đại học, nguồn nhân lực, tài nguyên thông tin, mô hình hợp tác*

¹ Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

² Trung tâm Học liệu, Trường Đại học Cần Thơ

1 MỞ ĐẦU

Hệ thống thư viện trường Đại học Cần Thơ bao gồm Thư viện trung tâm (Trung tâm Học liệu) và 13 thư viện nhánh ở 11 khoa và 2 viện nghiên cứu có đào tạo được hình thành từ năm 1997. Như chúng ta đã biết, thư viện là bộ mặt của một trường đại học, là nơi lưu trữ thông tin, tài liệu tham khảo, giáo trình,... Nó còn là nơi sinh viên tìm đến để tra cứu, tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu. Đặc biệt hệ thống thư viện của trường Đại học Cần Thơ là một chỉnh thể thống nhất giữa Thư viện trung tâm (Trung tâm học liệu), 13 thư viện nhánh ở 11 khoa và 2 viện nghiên cứu có đào tạo. Các nghiên cứu và thực tế đã chứng minh rằng thư viện ở các khoa trong hệ thống thư viện trường đại học nói chung đóng một vai trò vô cùng quan trọng (Rodwell & Fairbairn, 2008). Vì vậy cần phải chú ý đến các thư viện nhánh trong tiến trình phát triển hệ thống thư viện trường. Tuy nhiên, theo các báo cáo đánh giá theo tiêu chuẩn AUN của các khoa tham gia chương trình đánh giá trong năm 2010 cho thấy thư viện nhánh được chú ý đầu tư phát triển nhưng vẫn chưa thu hút được đông đảo sinh viên đến thư viện, thậm chí chưa được sinh viên đánh giá cao. Vì thế, việc đánh giá lại các hoạt động của hệ thống thư viện trường và các nguồn lực hiện có tại các thư viện nhánh là một việc làm cần thiết. Việc đánh giá này sẽ là cơ sở cho việc đưa ra các mô hình hoạt động thích hợp cho hệ thống thư viện và các thư viện nhánh để cải thiện khả năng hoạt động của thư viện phục vụ cho mục tiêu đào tạo của nhà trường.

2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương tiện

Đề tài sử dụng các bộ tiêu chuẩn về hoạt động thư viện đại học của các hiệp hội thư viện, các số liệu điều tra về số lượng độc giả, cơ sở vật chất của các thư viện nhánh, số liệu điều tra về nhu cầu và đánh giá các thư viện làm phương tiện nghiên cứu.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Thu thập số liệu

Thu thập thông tin thứ cấp: Phân tích, tổng hợp các tài liệu về mô hình hoạt động của các hệ thống thư viện các trường đại học được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, thu thập các tiêu chuẩn của các hiệp hội thư viện về hoạt động của thư viện nhánh đồng thời thu thập số liệu về độc giả ở các thư viện nhánh. Sau đó so sánh, đối chiếu các chuẩn và các mô hình hoạt động của các hệ thống thư viện đại học với tình trạng hoạt động hiện nay của các thư viện nhánh thuộc hệ thống thư viện trường Đại học Cần Thơ. Từ đó xác định được các điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống thư viện nhánh nhằm đề xuất một số giải pháp hoặc mô hình hoạt động để có thể nâng cao năng lực phục vụ của các thư viện nhánh.

Khảo sát điều tra từ bản câu hỏi: Người tham gia khảo sát sẽ trả lời đầy đủ các câu hỏi mà người nghiên cứu đặt ra. Bản câu hỏi do nhóm nghiên cứu tự thiết kế dựa theo mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Để tránh các thuật ngữ chuyên ngành, gây mơ hồ cho người trả lời tham khảo, nhóm nghiên cứu đã sử dụng bản câu hỏi để khảo sát thử. Sau mỗi lần khảo sát thử, bản câu hỏi đã được điều chỉnh cho dễ hiểu và rõ ràng hơn. Có 2 bản câu hỏi, bản 1 dành cho cán bộ thư viện tập trung vào 2

vấn đề: trình độ và nhu cầu đào tạo của cán bộ thư viện; cơ sở vật chất trang thiết bị của thư viện. Bản câu hỏi thứ 2 dành cho độc giả. Bản câu hỏi dành cho độc giả gồm 27 câu nhằm thu thập các số liệu về người tham gia khảo sát, về việc: sử dụng thư viện; vốn tài liệu của thư viện; các sản phẩm của thư viện; các dịch vụ của thư viện; chính sách, vấn đề nhân sự của thư viện; chất lượng và mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất trong thư viện; vấn đề hợp tác giữa các thư viện và đánh giá của người tham gia khảo sát về chất lượng của các sản phẩm và dịch vụ của các thư viện nhánh khác trong hệ thống

2.2.2 Phương pháp thực hiện

Bước 1: Thiết kế các bản hỏi dựa trên các mục tiêu cụ thể của đề tài.

Bước 2: Phát phiếu điều tra thử lần 1 cho sinh viên ngành thông tin thư viện và lần 2 cho các độc giả ngành khác đến học tại Trung tâm Học liệu, mỗi lần 10 phiếu.

Bước 3: Phát phiếu điều tra. Phiếu khảo sát dành cho cán bộ thư viện được phát cho tất cả các cán bộ đang công tác tại thư viện nhánh. Phiếu khảo sát dành cho độc giả: Có tất cả 677 phiếu khảo sát được phát cho các thư viện, trung bình mỗi đơn vị 65 phiếu. Phiếu được phát ngẫu nhiên cho những độc giả khác nhau đang sử dụng thư viện với giả thiết những độc giả này đã đến thư viện ít nhất một lần và đã sử dụng ít nhất một sản phẩm và một dịch vụ của thư viện. Việc phát phiếu được tiến hành riêng biệt ở mỗi khoa và phát liên tiếp trong 1 tuần vào những thời điểm khác nhau trong ngày để tránh tình trạng độc giả tập trung vào một nhóm cố định.

Bước 4: Tập hợp số liệu và phân tích số liệu với công cụ chính là phần mềm SPSS.

Bước 5: Phân tích đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp: Mô hình SWOT được áp dụng trong phân tích thực trạng hoạt động các thư viện nhánh. Trên cơ sở phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi và khó khăn ở các thư viện nhánh, nhóm nghiên cứu đề xuất các phương án và mô hình hoạt động phù hợp.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

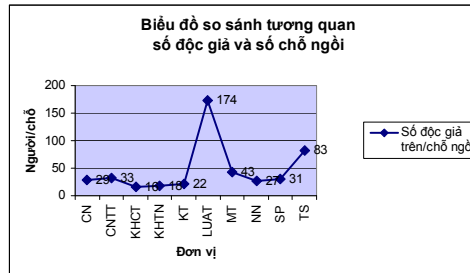
3.1 Thực trạng các nguồn lực hiện có tại thư viện nhánh

Nằm trong khuôn viên các khoa, chịu sự quản lý của các khoa là đặc điểm chung nhất của các thư viện nhánh thuộc hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ. Về vị trí địa lý, hiện tại trừ thư viện khoa CNTT, các thư viện khoa đều ở trong phạm vi khu II. Ở từng khoa, sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị cũng khác nhau nên có sự khác nhau khá rõ rệt về nguồn lực của các thư viện nhánh.

3.1.1 Cơ sở vật chất

Kết quả điều tra cho thấy hầu hết thư viện nhánh đều được đầu tư để phát triển cơ sở vật chất tuy sự đầu tư có khác nhau. Về chức năng của tòa nhà thư viện, 3/11 thư viện được xây dựng theo đúng chức năng của một thư viện, các thư viện còn lại được cải tạo từ các phòng học hoặc phòng làm việc. Diện tích thư viện dao động từ 36m² (Thư viện Khoa Khoa học Chính trị) đến 1026 m² (thư viện Khoa Nông nghiệp). Theo kết quả khảo sát từ độc giả, diện tích thư viện hiện nay chỉ đạt ở mức trung bình. Các thư viện đều dành phần lớn diện tích thư viện để lưu trữ sách nên số chỗ ngồi không nhiều, trường hợp cá biệt ở thư viện của Viện nghiên cứu và phát triển ĐBSCL không bố trí chỗ ngồi cho độc giả. Nếu xét tương quan

trên tổng số độc giả với số chỗ ngồi trong các thư viện nhánh, ta thấy ở thư viện có số chỗ ngồi lí tưởng nhất là khoa Khoa học chính trị, cứ 16 độc giả sẽ có một chỗ ngồi. Tỷ lệ giữa độc giả và số chỗ ngồi dao động từ 16 đến 43, cá biệt, khoa Luật một chỗ ngồi dành cho 174 độc giả (Hình 1). Tuy nhiên, khi khảo sát độc giả, kết quả cho thấy các độc giả đều cho rằng các thư viện nhánh có số chỗ ngồi đầy đủ, điều này có thể chứng minh cho nhận định số độc giả đến thư viện không nhiều.



Hình 1: Biểu đồ so sánh số độc giả và chỗ ngồi

Theo đánh giá của người được khảo sát, số lượng chỗ ngồi, quạt gió và hệ thống ánh sáng ở các thư viện nhánh ở mức đầy đủ, số lượng máy tính phục vụ cho việc học tập, diện tích phòng đọc và sự đáp ứng của mạng internet chỉ đạt mức độ trung bình.(Bảng 1)

Bảng 1: Đánh giá về trang thiết bị, cơ sở vật chất tại thư viện

	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp loại
Chỗ ngồi	648	1.59	0.65	Đầy đủ
Quạt	625	1.45	0.64	Đầy đủ
Hệ thống ánh sáng	620	1.35	0.57	Đầy đủ
Máy tính	600	2.04	0.75	Trung bình
Diện tích phòng đọc	591	1.81	0.74	Trung bình
Mạng internet	587	1.96	0.77	Trung bình
Thiết bị đọc tài liệu nghe nhìn	560	2.43	0.7	Kém

Phương tiện làm việc của cán bộ thư viện được chú trọng đầu tư, các thư viện đều có máy tính nối mạng dành cho nhân viên thư viện thực hiện công tác nghiệp vụ. Từ năm 2010, các thư viện nhánh đều được trang bị phần mềm quản lý lưu hành tài liệu - một phân hệ của phần mềm thư viện tích hợp Ilib đang sử dụng tại Trung tâm Học liệu. Tuy nhiên, các thư viện chưa có công an ninh và hệ thống kiểm soát để bảo vệ tài liệu cũng như tài sản của thư viện.

Nhìn chung, tình hình cơ sở vật chất ở các thư viện nhánh hiện nay đang ở tình trạng mất cân đối ở cả mức độ đầu tư lẫn sử dụng. Trong tình hình hiện tại, việc đòi hỏi đầu tư dàn trải và đầy đủ ở tất cả các thư viện khoa là không khả thi. Tuy nhiên, vị trí địa lý của các thư viện nhánh hiện nay tạo nên một lợi thế đó là khả năng chia sẻ. Nếu có một chính sách nhất quán từ phía nhà trường, các thư viện nhánh sẽ không phải đầu tư quá nhiều vào cơ sở vật chất mà vẫn tăng được hiệu suất phục vụ.

3.1.2 Nguồn tài nguyên thông tin

Theo số liệu thống kê của phòng Tài nguyên thông tin - Trung tâm Học liệu, nguồn tài liệu ở các khoa tương đối phong phú. Xét về loại hình tài liệu các thư

viện đều có vốn tài liệu khá đa dạng, bao gồm sách, báo và tạp chí, báo cáo khoa học, cơ sở dữ liệu dạng điện tử, băng đĩa, tài liệu được số hóa và luận văn. Trong đó, sách in và luận văn chiếm đa số. Ngoài ra, các thư viện đều có máy tính kết nối internet để độc giả có thể tìm và sử dụng tài liệu trên mạng. Khảo sát từ phía độc giả cho thấy loại hình tài liệu được sử dụng nhiều nhất là sách in, internet và luận văn.

Bảng 2: Loại hình tài liệu được sử dụng nhiều nhất

	Trả lời		% trong tổng số quan sát
	Số câu trả lời	% trong tổng số câu trả lời	
Sách in	423	31.8	63.5
Internet	342	25.7	51.4
Luận văn	254	19.1	38.1
Báo/ Tạp chí	181	13.6	27.2
CSDL điện tử	55	4.1	8.3
Sách điện tử	48	3.6	7.2
Tài liệu nghe nhìn	29	2.2	4.4
Tổng	1332	100	200

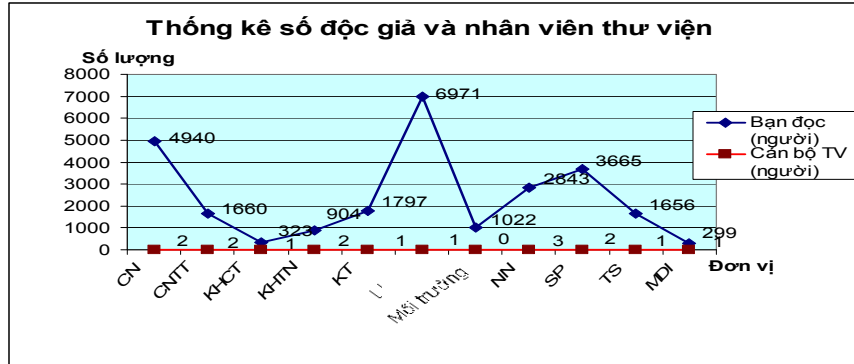
Đánh giá theo các tiêu chí mức độ phù hợp của nội dung tài liệu, mức độ chính xác của vốn tài liệu so với nhu cầu sử dụng, mức độ đáp ứng về thời gian so với nhu cầu và mức độ đáp ứng về số lượng/ nhan đề tài liệu so với nhu cầu sử dụng của bạn đọc ta thấy: Về mức độ phù hợp của nội dung vốn tài liệu: Nhìn chung nội dung vốn tài liệu là khá phù hợp trong đó mức độ phù hợp từ 75 – 100% chiếm 20.7%; mức độ phù hợp từ 50 – 75% chiếm tỷ lệ cao nhất 54.1% và mức độ phù hợp dưới 25% là khá ít chỉ khoảng 4%. Tuy nhiên, cũng cần chú ý có giải pháp nâng cao mức độ phù hợp của nội dung vốn tài liệu tại hệ thống thư viện nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu bạn đọc. Về mức độ chính xác của vốn tài liệu so với nhu cầu người sử dụng: Theo kết quả thống kê thu được thì vốn tài liệu có mức độ chính xác đến 80.7% so với nhu cầu. Về mức độ đáp ứng về mặt thời gian so với nhu cầu: Vốn tài liệu tại thư viện các Khoa/ Viện được đánh giá là kịp thời với 61.6% so với nhu cầu người sử dụng.

Qua phân tích ta thấy vốn tài liệu của các khoa khá phong phú và phù hợp với nhu cầu của người sử dụng. Tuy nhiên, số lượng tài liệu và đặc biệt là số cuốn tài liệu trên một nhan đề chưa đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc và việc bổ sung đáp ứng đầy đủ nhu cầu của mọi bạn đọc là không khả thi. Với đặc thù là trường đa ngành với tổng số 4399 học phần đang giảng dạy ở các khoa viện. Giữa một số khoa có sự trùng lặp về các môn học vì vậy số tài liệu trong các thư viện cũng có sự trùng lặp. Như vậy để có thể tận dụng hết hiệu suất tài liệu có trong các thư viện và để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc cần phải có chính sách cho sử dụng tài liệu liên thư viện trong hệ thống thư viện trường.

3.1.3 Nguồn nhân lực

Nhân viên thư viện các thư viện khoa do các khoa chủ quản quản lý do vậy tùy vào điều kiện ở từng khoa mà số lượng nhân viên thư viện cũng như yêu cầu và trình độ nhân viên thư viện có sự khác biệt. Có tất cả 16 nhân viên ở các thư viện khoa. Trong số đó có 12 nhân viên đã công tác tại các thư viện khoa trên 10 năm và họ rất gắn bó với thư viện, hiểu rõ nhu cầu của độc giả của thư viện mình phụ trách.

Phần lớn (62%) nhân viên thư viện có trình độ đại học, số còn lại được đào tạo ở trình độ cao đẳng và trung cấp. Về trình độ chuyên môn có 9/16 nhân viên được đào tạo chuyên ngành thư viện ở các trình độ đại học và trung cấp thư viện, số còn lại tuy được đào tạo ở các chuyên ngành khác nhưng đã tham gia nhiều khóa tập huấn nghiệp vụ do Trung tâm Học liệu tổ chức. Hầu hết nhân viên thư viện nhánh có bằng A ngoại ngữ, và bằng A tin học. So sánh mối tương quan giữa số lượng độc giả và cán bộ thư viện ta thấy trung bình 1 cán bộ thư viện phải phục vụ cho hơn 1500 bạn đọc, cá biệt thư viện khoa Luật có 6971 độc giả nhưng chỉ có 1 cán bộ thư viện, thậm chí thư viện Khoa Môi trường & TNTN hiện vẫn chưa có cán bộ phụ trách thư viện.



Hình 2: Thống kê số độc giả và nhân viên thư viện

Như đã trình bày ở phần lược khảo tài liệu, hiện tại Việt Nam vẫn chưa có các qui định cụ thể về số lượng nhân viên thư viện cho thư viện các trường đại học, vì vậy nhóm nghiên cứu đã quyết định tham khảo công thức tính số lượng nhân viên của Hiệp hội thư viện Philippines để tính số lượng cán bộ thư viện ở các thư viện nhánh.

Bảng 3: Cách tính số lượng nhân viên trong thư viện của Hội liên hiệp Thư viện Philippines

Đơn vị tính: người

Độc giả*	Cán bộ Thư viện	
	Thư viện viên	Nhân viên phục vụ
500	2	2
> 1.500	2 + 1	2
> 2.500	2 + 1 + 1	2
.....		

Nguồn: (PAARL, 2010), * Căn cứ theo qui mô đào tạo của khoa chủ quản

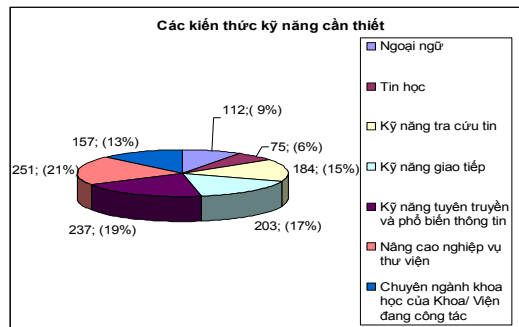
Bảng 4: Bảng tính số nhân viên thư viện nhánh

Đơn vị tính : Người

Đơn vị	Bạn đọc	Cán bộ TV hiện tại	Số nhân viên lý tưởng	
			Thư viện viên	Nhân viên phục vụ
CN	4940	2	5	2
CNTT	1660	2	3	2
KHCT	323	1	1	1
KHTN	904	2	2	2
KT	1797	1	3	2
LUẬT	6971	1	5	2
MÔI TRƯỜNG	1022	0	2	2
NN	2843	3	4	2
SP	3665	2	5	2
TS	1656	1	3	2
MDI	299	1	1	1

Nhìn vào bảng 4 ta thấy số lượng nhân viên hiện nay của các thư viện nhánh đang thiếu. Tuy nhiên thực tế cho thấy hiện tại nhân viên các thư viện chủ yếu làm công tác phục vụ và lựa chọn tài liệu, vì vậy có thể giảm được số lượng nhân viên làm công tác nghiệp vụ.

Đánh giá chung rút ra từ các phiếu khảo sát cho thấy, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của cán bộ thư viện được xếp loại tốt và hiện nay các nhân viên thư viện nhánh chỉ chú trọng việc lưu hành tài liệu và bảo quản tài liệu mà không có thời gian phát triển các sản phẩm thông tin phục vụ cho độc giả. Tuy nhiên, nhân viên thư viện cần chú ý nâng cao các kỹ năng và kiến thức để thực hiện công tác tốt hơn. Trong các kỹ năng và kiến thức đưa ra sẵn trong bảng khảo sát, có 21% phiếu trả lời chọn nội dung nâng cao nghiệp vụ thư viện. Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến thông tin và kỹ năng giao tiếp cũng được quan tâm đề nghị bên cạnh việc trau dồi, nâng cao kỹ năng và kiến thức của cán bộ thư viện. Ngoài ra bồi dưỡng thêm kiến thức thuộc chuyên ngành khoa học của Khoa/ Viện đang công tác và khả năng ngoại ngữ cũng không thể thiếu với cán bộ thư viện (Hình 3).



Hình 3: Các kiến thức - kỹ năng cần nâng cao

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác tại các thư viện, hệ thống thư viện trường đại học Cần Thơ cần chú trọng tận dụng các lợi thế của mô hình hoạt động và nguồn nhân lực hiện nay. Với mô hình Trung tâm học liệu thực hiện toàn bộ công tác biên mục xử lý kỹ thuật tài liệu, các thư viện giảm được hẳn số lượng thư viện

viên và nhân viên kỹ thuật cho công tác này. Hơn nữa hàng năm có khoảng 50 sinh viên ngành Quản trị thông tin thư viện có nhu cầu thực tập thường xuyên tại các thư viện và một lực lượng sinh viên tình nguyện sẵn sàng thực hiện các công tác thư viện là một lợi thế của nguồn nhân lực.

Tóm lại, dù nhận được sự quan tâm của nhà trường và lãnh đạo các đơn vị nhưng các thư viện nhánh hiện nay còn rất nhiều khó khăn về nguồn lực. Vì nhiều lí do khách quan các thư viện không thể chờ đợi sự đầu tư đầy đủ và hiện đại mới hoạt động và phục vụ tốt cho độc giả. Để có thể đảm bảo các thư viện nhánh hoạt động tốt, hệ thống thư viện cần phải có sự quản lí tập trung và hợp tác trong các hoạt động để có thể chia sẻ các nguồn lực, tận dụng các ưu thế hiện có.

3.2 Quan hệ hiện nay giữa Trung tâm Học liệu với các thư viện nhánh và giữa các thư viện nhánh

3.2.1 Mối quan hệ giữa Trung tâm Học liệu và các thư viện nhánh

Mối quan hệ giữa TTHL và các thư viện nhánh hiện nay phụ thuộc vào sự hợp tác giữa lãnh đạo Khoa và Ban Giám đốc TTHL. Nhân sự và mọi đánh giá về mức độ hoạt động của thư viện nhánh đều phụ thuộc vào quan điểm của lãnh đạo các Khoa. Việc hợp tác chỉ thực sự có ở công tác bổ sung mới nguồn tài nguyên thông tin. Thư viện khoa là đơn vị chịu trách nhiệm lựa chọn tài liệu và cân đối nguồn kinh phí do TTHL thông báo. TTHL tập trung danh mục tài liệu cần mua do các thư viện nhánh chuyển lên để đặt mua và tiến hành biên mục và nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu chung của cả trường sau khi nhận tài liệu về. Sách chuyển về thư viện nhánh khi đã thực hiện xong khâu biên mục và xử lý kỹ thuật. Việc khai thác, sử dụng và phục vụ các loại hình thông tin do thư viện nhánh quyết định.

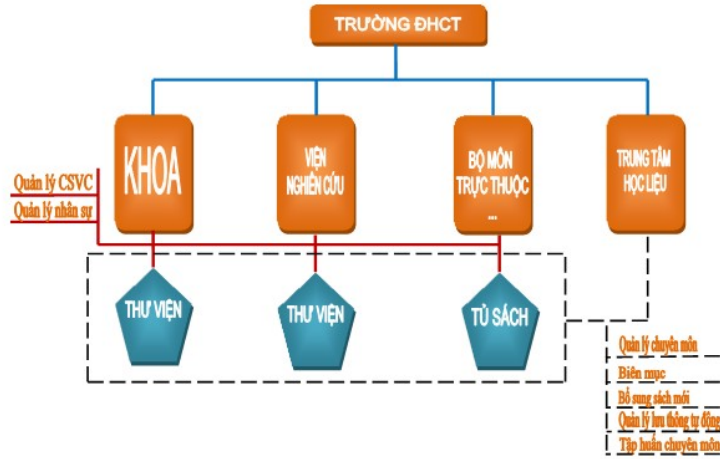
Một tồn tại hiện nay dẫn đến sự phát triển không đồng đều giữa các thư viện nhánh là sự thiếu đồng bộ và sự ràng buộc khi triển khai hoạt động. Các hoạt động nghiệp vụ do TTHL triển khai có chất lượng lệ thuộc hoàn toàn vào cán bộ thư viện và sự kiểm tra của các khoa. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thư viện Khoa còn hạn chế trong khi công tác đào tạo cán bộ cho thư viện nhánh chưa thật sự được chú trọng. Các lớp tập huấn được tổ chức có cán bộ thư viện nhánh tham gia tập trung vào công tác biên mục tài liệu trong khi họ hoàn toàn không thực hiện công tác này tại thư viện mình. Để hệ thống thư viện có thể hoạt động tốt và đồng bộ, đòi hỏi phải có sự quản lí tập trung để giải quyết triệt để các nguyên nhân nêu trên.

3.2.2 Mối quan hệ giữa các thư viện nhánh

Hiện nay các thư viện nhánh hoạt động một cách riêng lẻ, việc sử dụng thư viện nhánh có cùng nhóm ngành đào tạo vẫn chưa được thực hiện. Việc phục vụ cho các độc giả khác đơn vị nếu có là do sự linh hoạt của cán bộ thư viện và cũng chỉ cho phép độc giả sử dụng các dịch vụ tại chỗ. Chưa có một văn bản chính thức nào từ phía nhà trường và các khoa qui định sự liên kết nào trong các hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin cũng như chia sẻ nguồn tài nguyên trong hoạt động của thư viện nhánh. Dựa vào bảng khảo sát (Bảng 2) chúng ta thấy rằng mức độ sử dụng thư viện của bạn đọc đến thư viện nhánh thường xuyên chiếm tỉ lệ trên 50%. Vì vậy cần có giải pháp tối ưu để đáp ứng tối đa nhu cầu của bạn đọc.

3.3 Các mô hình hoạt động thích hợp

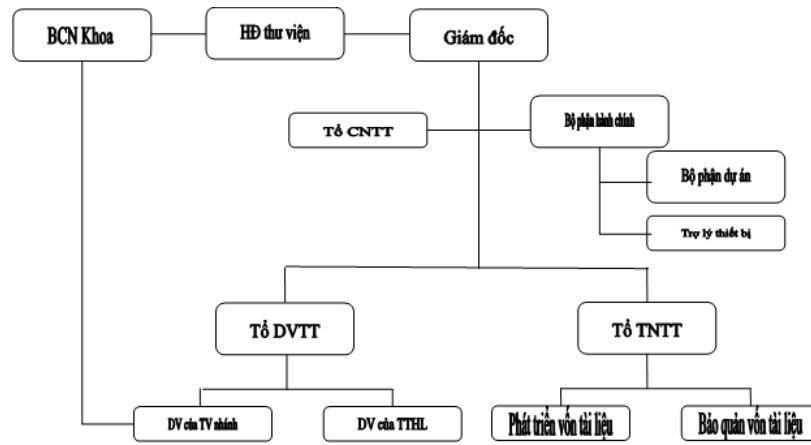
Hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) được hình thành và hoạt động từ khi thành lập Trường (1966) đến nay. Sau hơn 45 năm phát triển, hiện nay thư viện trường ĐHCT trở thành một hệ thống bao gồm Thư viện trung tâm (Trung tâm Học liệu) và Thư viện nhánh: 11 thư viện Khoa, 02 thư viện Viện nghiên cứu. Hệ thống thư viện hoạt động theo mô hình phân tán (Hình 4)



Hình 4: Mô hình hoạt động của hệ thống thư viện ĐHTC

Hiện tại, thư viện nhánh liên hệ với Trung tâm học liệu chủ yếu thông qua bộ phận Tài nguyên thông tin nhằm mục đích phát triển vốn tài liệu. Bộ phận Tài nguyên thông tin đóng vai trò chủ đạo trong việc điều tiết nguồn kinh phí và số lượng tài liệu đặt mua của các thư viện nhánh đồng thời bộ phận Tài nguyên thông tin hỗ trợ công tác biên mục và xử lý kỹ thuật các tài liệu sau biên mục. Khi đã được hỗ trợ công tác phát triển vốn tài liệu cũng như biên mục tài liệu, nhân viên thư viện khoa thực hiện vai trò nhân viên dịch vụ thông tin. Mô hình hoạt động trên rõ ràng không cho thấy bất cứ sự ràng buộc cũng như quản lý nào từ Trung tâm học liệu đến các thư viện nhánh. Thực tế cần một sự quản lý tập trung hơn nữa.

Mô hình trình bày ở hình 5 đề xuất phương án quản lý tập trung hơn áp dụng theo mô hình quản lý thư viện trường đại học Victoria of Wellington (New Zealand). Trong mô hình này giám đốc thư viện trung tâm là người chịu trách nhiệm chung nhất điều hành cả một hệ thống gồm thư viện trung tâm và các thư viện thành viên. Đứng đầu các thư viện thành viên là trưởng nhóm- đóng vai trò nhân viên thư viện liên lạc. Do công tác phát triển vốn tài liệu đã được tổ Tài nguyên thông tin phụ trách, các thư viện nhánh sẽ tập trung vào công tác tạo ra các sản phẩm tra cứu và các dịch vụ thông tin và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của tổ Dịch vụ thông tin ngoài sự quản lý của đơn vị chủ quản.



Hình 5 : Sơ đồ mô hình tổ chức hệ thống thư viện

3.3.1 Ưu điểm của mô hình

Ưu điểm đầu tiên của mô hình trên là sự chỉ đạo thống nhất về mặt nghiệp vụ và xây dựng chính sách, các thư viện nhánh sẽ được hỗ trợ về mặt nghiệp vụ và đào tạo chuyên môn. Ngoài ra việc quản lý tập trung sẽ tránh được việc trùng lặp trong việc xây dựng đề án cho dịch vụ mới.

Ưu điểm thứ hai, nhờ vào việc nắm bắt nhu cầu thông tin của nhóm độc giả mục tiêu cũng như có điều kiện tiếp cận nguồn thông tin của các thư viện thành viên khác. Các thư viện có thể đề xuất các dịch vụ và sản phẩm phù hợp với nhu cầu của độc giả đồng thời trao đổi các sản phẩm để phục vụ cho độc giả hiệu quả hơn.

3.3.2 Nhược điểm của mô hình

Hoạt động theo mô hình trên có những nhược điểm. Thư viện nhánh chịu sự lãnh đạo kép TTHL quản lý về chuyên môn và các khoa quản lý nhân sự trong khi nhận thức và đánh giá vai trò của thư viện của lãnh đạo các đơn vị khác nhau. Sự chênh lệch về số nhân viên ở các thư viện gây nên tình trạng quá tải cho một số nhân viên khi tham gia các hoạt động chung.

3.3.3 Giải pháp

Để có thể chỉ đạo một cách tốt nhất, nhất thiết cần có Hội đồng thư viện. Theo bộ qui chế mẫu về hoạt động thư viện (2008), hội đồng thư viện có chủ tịch là một thành viên Ban giám hiệu và các thành viên là lãnh đạo các khoa phòng ban, giám đốc thư viện và một số chuyên gia. Có thể nói đây là bộ máy lãnh đạo cao nhất mà từng thành viên trong Ban chỉ đạo là một cầu nối từng hoạt động của thư viện. Hội đồng sẽ tư vấn những vấn đề quan trọng để điều hành hệ thống thư viện đạt được hiệu quả cao nhất. Ngoài ra cần xây dựng các văn bản pháp lý nền tảng phục vụ cho cơ chế tổ chức và vận hành của hệ thống, đó cũng là cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động được chuẩn mực và ổn định.

Các thư viện nhánh tùy vào qui mô độc giả cần có sự chủ động và linh hoạt trong việc quyết định đề xuất các dịch vụ phù hợp đồng thời cân nhắc tính hợp tác khi lập kế hoạch cho các sản phẩm mới. Trong mô hình hoạt động này, TTHL đóng vai trò trung tâm nên việc chủ động điều tiết hỗ trợ về mặt nhân lực là điều quan trọng. Đối với các sản phẩm và dịch vụ đã có TTHL cần chủ động giới thiệu cho

các thư viện nhánh để có thể chia sẻ. Định kỳ hàng quý TTHL đánh giá chất lượng hoạt động của các thư viện nhánh và báo cáo về cho các đơn vị chủ quản.

4 KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Kết quả điều tra từ cán bộ các thư viện nhánh và 677 độc giả đang sử dụng thư viện cho thấy về cơ sở vật chất, phần lớn thư viện chưa được xây dựng mô hình thư viện tiêu chuẩn như diện tích còn hẹp, số chỗ ngồi còn ít so với số lượng độc giả tiềm năng. Hầu hết thư viện có hệ thống máy quét mã vạch và sử dụng hệ thống quản lý thư viện tích hợp để thực hiện công tác lưu hành và quản lý tài liệu. Nguồn tài nguyên thông tin ở các khoa tương đối phong phú. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có sự chênh lệch giữa số lượng tài liệu có ở các thư viện các số lượng tài liệu được sử dụng. Nghịch lý về số lượng tài liệu và tần suất sử dụng, đòi hỏi các thư viện phải chú trọng công tác tuyên truyền giới thiệu sách và tạo ra các sản phẩm tra cứu tài liệu đồng thời đưa ra các giải pháp mới để tăng hiệu suất sử dụng số tài liệu có sẵn. Số lượng nhân viên thư viện thiếu cũng gây khó khăn cho các hoạt động.

Mô hình quản lý và hợp tác giữa TTHL và các thư viện nhánh hiện tại bộc lộ những bất cập mà nếu không giải quyết triệt để sẽ gây lãng phí và làm giảm khả năng phục vụ của các thư viện. Một vấn đề tồn tại cần chú ý tìm giải pháp là sự phát triển không đồng bộ giữa các thư viện khoa cũng như thiếu những ràng buộc về mặt hành chính khi triển khai hoạt động từ TTHL đến cán bộ thư viện nhánh. Để có thể khắc phục tình trạng này cần có sự chỉ đạo thống nhất của lãnh đạo nhà trường, các đơn vị và của TTHL.

4.2 Đề xuất

Để có thể cải thiện khả năng hoạt động của các thư viện nhánh, đầu tiên cần phải có sự chỉ đạo thống nhất và có các qui định ràng buộc về mặt hành chính. Để có được sự thống nhất cần phải thành lập hội đồng thư viện.

Nghiên cứu các mô hình hoạt động, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một mô hình quản lý tập trung. Trong mô hình này, giám đốc thư viện trung tâm là người chịu trách nhiệm chung nhất điều hành cả một hệ thống gồm thư viện trung tâm và các thư viện thành viên. Đứng đầu các thư viện thành viên là trưởng nhóm, cũng là người đóng vai trò nhân viên thư viện liên lạc. Các thư viện nhánh trong mô hình mới, ngoài công tác lưu hành thông thường sẽ tập trung vào công tác tạo ra các sản phẩm tra cứu và các dịch vụ thông tin và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của tổ Dịch vụ thông tin ngoài sự quản lý của đơn vị chủ quản.

Do thời gian nghiên cứu có hạn, nghiên cứu này chỉ mới dừng lại ở đề xuất mô hình mà chưa có thời gian thử nghiệm. Nếu có điều kiện các mô hình này cần được nghiên cứu sâu hơn và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn ở một số đơn vị nhằm rút ra các kinh nghiệm làm cơ sở xây dựng các mô hình hoạt động chuẩn cho các thư viện trường đại học đặc biệt là các trường đại học đa ngành như Trường Đại học Cần Thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. (2008). Qui chế mẫu về tổ chức và hoạt động thư viện (Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).
- PAARL. (2010). Standards for Academic Libraries for 2010 truy cập 12/7/2011, từ <http://paarl.wikispaces.com/file/view/2010%20PAARL%20Standards%20for%20Academic%20Libraries%20-%20DRAFT%20PROPOSAL.pdf>
- Rodwell, J., & Fairbairn, L. (2008). Dangerous liaisons :Defining the faculty liaison librarian service model, its effectiveness and sustainability. *Library Management*, 29(1/2), 116-124.